CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính
Tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2013
đã được soát xét

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kết quả công tác soát xét	04
Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được soát xét	05-13

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2013.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 58/UBCK-GPHĐKD do Uỷ Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06 tháng 07 năm 2007, Giấy phép điều chỉnh số 80/GPĐC-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19 tháng 4 năm 2012, Giấy phép điều chỉnh số 116/GPĐC-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13 tháng 12 năm 2012.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 30 đường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Thanh	Chủ tịch	
Ông Lê Thanh Hà	Ủy viên	
Ông Đoàn Danh Hưng	Ủy viên	
Ông Đỗ Trí Vỹ	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 16/06/2013
Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 26/01/2013

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Hữu Chung	Quyền Tổng Giám đốc
Bà Ngô Hà Chi	Giám đốc tài chính

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trần Thị Thu Hương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 16/06/2013
Bà Trần Quỳnh Anh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 16/06/2013
Bà Phan Thị Mai Hương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 16/06/2013

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Số 30 đường Nguyễn Du,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2013. Trong quá trình lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu tại Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 165/2012/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc quy định các chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2013, phù hợp với các quy định tại Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 của Bộ Tài chính về việc quy định các chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2013

TM. Ban Tổng Giám đốc

Quyền Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA
Q. HAI BÀ TRƯNG - TP. HÀ NỘI

Trần Hữu Chung

Số: 1106 /2013/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia tại thời điểm ngày 30/06/2013.

Việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - "Công tác soát xét báo cáo tài chính". Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không phản ánh trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2013, phù hợp với các quy định tại Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 của Bộ Tài chính về việc quy định các chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

M.S.D.N - 0100111105 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HÃNG KIỂM TOÁN AASC
Q. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Thanh Tùng	**Vũ Xuân Biển**
Phó Tổng Giám đốc	Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0063-2013-002-1	Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: V/v: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính	

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2013

Chúng tôi cam đoan rằng:

(1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;

(2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;

(3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2013

Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ	**Giám đốc tài chính**	**Quyền Tổng Giám đốc**
Trịnh Hoài Thanh	**Ngô Hà Chi**	**Trần Hữu Chung**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2013

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	VỐN KHẢ DỤNG		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
A	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	(1)	(2)	(3)
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	135.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần, vốn khác không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	-		
3	Cổ phiếu quỹ (*)	(5.715.000.000)		
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (nếu có)	-		
5	Quỹ đầu tư phát triển	-		
6	Quỹ dự phòng tài chính	-		
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-		
8	Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật	19.095.404.663		
9	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)	-		
10	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
11	Lợi ích của cổ đông thiểu số	-		
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
13	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		7.757.572	77.852
1A	**Tổng**			**148.372.724.943**
B	**Tài sản ngắn hạn**			
I	**Tiền và các khoản tương đương tiền**			
II	**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**			
1	Đầu tư ngắn hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5			
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn			
III	**Các khoản phải thu ngắn hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác**			
1	Phải thu của khách hàng			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
2	Trả trước cho người bán		875.200.000	
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
4	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán			

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2013

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	VỐN KHẢ DỤNG		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		40.353.452.629	
5	Các khoản phải thu khác			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi			
IV	**Hàng tồn kho**		-	
V	**Tài sản ngắn hạn khác**			
1	Chi phí trả trước ngắn hạn		332.274.502	
2	Thuế GTGT được khấu trừ			
3	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước			
4	Tài sản ngắn hạn khác			
4.1	Tạm ứng			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		-	
4.2	Tài sản ngắn hạn khác		-	
1B	**Tổng**			**41.560.927.131**
C	**Tài sản dài hạn**			
I	**Các khoản phải thu dài hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác**			
1	Phải thu dài hạn của khách hàng			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	
3	Phải thu dài hạn nội bộ			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
4	Phải thu dài hạn khác			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi			
II	**Tài sản cố định**		**1.118.055.140**	
III	**Bất động sản đầu tư**		-	

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2013

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	VỐN KHẢ DỤNG		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
IV	**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**			
1	Đầu tư vào công ty con		-	
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	
3	Đầu tư chứng khoán dài hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 5			
4	Đầu tư dài hạn khác		28.350.000.000	
5	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn			
V	**Tài sản dài hạn khác**		**5.762.923.657**	
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5		-	
1C	**Tổng**			**35.230.978.797**
VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C				**71.580.819.015**

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2013

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

A	RỦI RO THỊ TRƯỜNG			
	Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro (1)	Quy mô rủi ro (2)	Giá trị rủi ro (3) = (1) x (2)
I	**Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ**			-
1	Tiền mặt (VND)	0%	73.699.706.878	-
2	Các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn	0%	38.400.000.000	-
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0%	-	-
II	**Trái phiếu Chính phủ**			-
4	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0%	-	-
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cuống phiếu			
5.1	Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AfDB, EIB và EBRD	3%	-	-
5.2	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm;	3%	-	-
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 tới 5 năm;	4%	-	-
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên;	5%	-	-
III	**Trái phiếu doanh nghiệp**			-
6	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-	-
7	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%	-	-
IV	**Cổ phiếu**			**835.805**
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%	409.100	40.910
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	5.299.300	794.895

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2013

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

A	**RỦI RO THỊ TRƯỜNG**			
	Các hạng mục đầu tư	**Hệ số rủi ro (1)**	**Quy mô rủi ro (2)**	**Giá trị rủi ro (3) = (1) x (2)**
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	-	-
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	-	-
12	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	-	-
V	**Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán**			-
13	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%	-	-
14	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	14%	-	-
VI	**Chứng khoán bị hạn chế giao dịch**			-
15	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40%	-	-
16	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%	-	-
VII	**Các tài sản khác**			-
17	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%	-	-
18	Các tài sản đầu tư khác	80%	-	-
VIII	**Rủi ro tăng thêm (nếu có) (được xác định trên cơ sở vốn chủ sở hữu đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng)**			-
	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	...	0%	-	-
2	...	0%	-	-
3	...	0%	-	-
A	**TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)**			**835.805**

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2013

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

B	**RỦI RO THANH TOÁN**							
	Loại hình giao dịch	**Giá trị rủi ro**						**Tổng giá trị rủi ro**
		(1)	**(2)**	**(3)**	**(4)**	**(5)**	**(6)**	
I	**Rủi ro trước thời hạn thanh toán**							**2.605.274.641**
1	Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán	-	-	-	-	2.304.000.000	301.274.641	2.605.274.641
2	Cho vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
3	Vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
4	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
5	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
6	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
II	**Rủi ro quá thời hạn thanh toán**							**26.617.600**
	Thời gian quá hạn					**Hệ số rủi ro**	**Quy mô rủi ro**	**Giá trị rủi ro**
1	0-15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán					16%	-	-
2	16 – 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán					32%	-	-
3	31 – 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán					48%	-	-
4	Từ 60 ngày trở đi					100%	26.617.600	26.617.600

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2013

III	**Rủi ro tăng thêm (nếu có)**			**364.800.000**
	Chi tiết từng khoản vay, tới từng đối tác	**Mức tăng thêm**	**Quy mô rủi ro**	**Giá trị rủi ro**
1	Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại SHB	20%	30.400.000.000	364.800.000
2	...	0%	-	-
3	...	0%	-	-
B	**TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B=I+II+III)**			**2.996.692.241**

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2013

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

C	**RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)**	**Giá trị rủi ro**
I	**Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng**	**10.131.367.843**
II	**Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí**	474.589.095
	1. Chi phí khấu hao	738.567.494
	2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(131.248.548)
	3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	(132.729.851)
	4. Dự phòng phải thu khó đòi	-
III	**Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I – II)**	**9.656.778.748**
IV	**25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)**	**2.414.194.687**
V	**20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán**	**27.000.000.000**
C	**TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max {IV, V})**	**27.000.000.000**
D	**TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)**	**29.997.528.046**

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/vốn khả dụng	Ghi chú (nếu có)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	835.805	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	2.996.692.241	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	27.000.000.000	
4	**Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)**	**29.997.528.046**	
5	**Vốn khả dụng**	**71.580.819.015**	
6	**Tỷ lệ Vốn khả dụng (6=5/4)**	**238,62%**	

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2013

Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ	Giám đốc tài chính	Quyền Tổng Giám đốc
Trịnh Hoài Thanh	Ngô Hà Chi	Trần Hữu Chung